

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 12 năm 2022
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hào;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu 8, xã Đ A, huyện T B, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu 8, xã Đ A, huyện T B, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở nước ngoài.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác định vợ chồng trước khi kết hôn có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ A, huyện T B, tỉnh Phú Thọ ngày 06/12/2016. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đến năm 2019, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị ly hôn chị X để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Trần T, sinh ngày 16/01/2016 và cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 08/6/2017. Sau ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí giám định: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ.

- *Tại bản trình bày ý kiến ngày 24/10/2022 bị đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:* Chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo về việc giải quyết ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị, nhưng chị không thể về nước để làm việc được.

Về quan hệ hôn nhân chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ A, huyện T B, tỉnh Phú Thọ ngày 06/12/2016. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn từ năm 2019, nay Anh T đề nghị ly hôn chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị X xác định vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Trần T, sinh ngày 16/01/2016 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 08/6/2017. Sau ly hôn chị đồng ý cho Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh T.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, theo đơn đề nghị của Anh T, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của chị Nguyễn Thị X trong Bản trình bày ý kiến ngày 24/10/2022 so với mẫu so sánh là Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 06/12/2016 có phải do cùng một người ký hay không? Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ đã ra kết luận giám định số 1590/KLGD-KTHS ngày 21/11/2022 đối với đối tượng giám định nêu trên.

Anh T nộp tạm ứng chi phí giám định là 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị:

Điều 51, 55, 81,82,83,84 Luật HNGĐ; căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh T và chị X.

Về con chung: Công nhận thỏa thuận của đương sự giao hai con chung là cháu Nguyễn Trần T, sinh ngày 16/01/2016 và cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 08/6/2017 cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Do không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Thị X có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã Đ A, huyện T B, tỉnh Phú Thọ. Theo công văn số: 18059/QLXNC-P5 ngày 30/8/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định chị Nguyễn Thị X đã xuất cảnh gần nhất ngày 12/3/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Anh T và chị X đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Anh T và chị X là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị X không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do vậy đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Tại kết luận giám định số: 1590/KLGĐ-KTHS ngày 21/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận: “Chữ ký dạng chữ viết “Xuyên” và các chữ “Nguyễn Thị X” trên “Bản trình bày ý kiến” ngày 24/10/2022 so với chữ ký dạng chữ viết “Xuyên” và các chữ “Nguyễn Thị X” dưới mục “Vợ” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” ngày 06/12/2016 là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, Bản trình bày ý kiến ngày 24/10/2022 thể hiện đúng ý chí của chị X nên có căn cứ để giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị X kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 06/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ A, huyện T B, tỉnh Phú Thọ. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa Anh T và chị X xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Nay Anh T xin ly hôn, chị X nhất trí. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh T và chị X là phù hợp với Điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh T và chị X có hai con chung là cháu Nguyễn Trần T, sinh ngày 16/01/2016 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 08/6/2017. Xét thấy: Các cháu đang ở cùng Anh T, chị X đang đi làm ở nước ngoài. Do vậy, để thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của các cháu cũng như đúng ý nguyện của chị X, Anh T. Cần giao cho Anh T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Trần T, sinh ngày 16/01/2016 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 08/6/2017, chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh T do Anh T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 3.000.000 đồng, Anh T đã nộp số tiền này và xin tự chịu toàn bộ không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điều 55, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X.

[2] Giao cho Anh T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần T, sinh ngày 16/01/2016 và cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 08/6/2017 đến khi các cháu thành niên. chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh T do Anh T tự nguyện không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Nguyễn Văn T cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị Nguyễn Thị X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về chi phí tố tụng: Anh T tự nguyện chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí giám định. Xác nhận Anh T đã nộp số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000317 ngày 07/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[6]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo của chị X là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng